

Bản án số: 25/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 13 - 9 - 2024.

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TƯ NGHĨA, TỈNH QUẢNG NGÃI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Ngọc Thông.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Tạ Thị Anh Pha.
2. Bà Đinh Thị Thu Hằng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Thanh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Q.

Ngày 13 tháng 9 năm 2024, tại Hội trường xử án Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Q xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 148/2024/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 97/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 28/8/2024, giữa.

- Nguyên đơn: Anh Phạm Thanh T, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Thôn L, xã N, huyện T, tỉnh Q.

- Bị đơn: Chị Lê Thị L, sinh năm: 1984.

Địa chỉ: Thôn A, xã N, huyện T, tỉnh Q.

Nguyên đơn, bị đơn có yêu cầu vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 19/4/2024, bản tự khai ngày 29/7/2024 và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn anh Phạm Thanh T trình bày:

Anh và chị Lê Thị L đăng ký kết hôn vào ngày 04/11/2009 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Q. Trong thời gian chung sống thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân vợ chồng bất đồng quan điểm và sống không hạnh phúc. Anh, chị đã ly thân từ năm 2018 đến nay. Anh nhận thấy không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Lê Thị L.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Phạm Lê Quốc Tr, sinh ngày 13/10/2012, hiện nay đang ở với anh. Khi ly hôn anh yêu cầu được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con Phạm Lê Quốc Tr. Anh không yêu cầu cho chị Lê Thị L cấp dưỡng cho con.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

Bản tự khai ngày 20/8/2024 và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án bị đơn chị Lê Thị L trình bày:

Chị và anh T kết hôn vào năm 2009 có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện T. Vợ chồng chung sống khoảng 09 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, đến năm 2018 chị và anh T sống ly thân, chị về ở với cha, mẹ ruột tại xã N. Nay anh T yêu cầu ly hôn, chị đồng ý.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Phạm Lê Quốc Tr, sinh ngày 13/10/2012, hiện nay đang ở với anh T. Khi ly hôn chị đồng ý giao con Phạm Lê Quốc Tr cho anh Tuấn được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, chị không cấp dưỡng cho con.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn, bị đơn đều cư trú tại huyện T, tỉnh Q. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015, Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Q thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[1.2] Về sự vắng mặt của bị đơn: Ngày 26/8/2024 anh Phạm Thanh T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, ngày 20/8/2024 chị Lê Thị L trình bày xin vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ Điều 227 và 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Thanh T và chị Lê Thị L có đăng ký kết hôn vào ngày 04/11/2009 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Q. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, hợp pháp được pháp luật công nhận quy định tại các Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về nguyên nhân mâu thuẫn: Theo lời trình bày của anh T, chị L, trong thời gian chung sống thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân vợ chồng bất đồng quan điểm sống và không hạnh phúc. Anh, chị đã ly thân từ năm 2018 đến nay, tình cảm vợ chồng không còn nên anh T yêu cầu được ly hôn chị L, chị L đồng ý ly hôn.

[2.3] Hội đồng xét xử xét thấy vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ nhưng anh và chị không làm được. Trong quá trình chung sống vợ chồng anh chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, anh T, chị L sống ly thân từ năm 2018 đến nay không quan tâm lẫn nhau. Xét tình cảm vợ chồng đã rạn nứt trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Nếu tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân cũng chỉ là ràng buộc. Do đó, để giải phóng cho đôi bên có cuộc sống riêng. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn khởi kiện của anh Phạm Thanh T được ly hôn anh chị Lê Thị L.

[3] Về con chung: Xét nguyện vọng của cháu Phạm Lê Quốc Tr, nguyện vọng của anh T, ý kiến của chị L. Hội đồng xét thấy giao con Phạm Lê Quốc Tr, sinh ngày 13/10/2012 cho anh Phạm Thanh T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp; anh T không yêu cầu chị L cấp dưỡng cho con, chị L thống nhất, nên hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về tài sản chung: Không có, nên không xem xét.

[5] Về nợ chung: Không có, nên không xem xét.

[6] Về án phí: Anh Nguyễn Thanh T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Quyền kháng cáo, kháng nghị: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật, Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 238, Điều 254, Điều 227, Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273, Điều 278, khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015; Điều 8, Điều 9, Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, khoản 1 khoản 3 Điều 82, Điều 83, Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, anh Phạm Thanh T được ly hôn chị Lê Thị L.

2. Về con chung: Giao con Phạm Lê Quốc Tr, sinh ngày 13/10/2012 cho anh Phạm Thanh T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; chị Lê Thị L không phải cấp dưỡng cho con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở, không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về tài sản chung: Không có.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí: Anh Phạm Thanh T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), anh T đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0003926 ngày 03/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Q.

6. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Q;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- UBND xã N;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS, VT

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Võ Ngọc Thông